TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-PT
Ngày 14-6-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Quân

Bà Phạm Mai Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái***: Bà Mạc Minh Song - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023, về "Tranh chấp hợp đồng dân sự".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nông Thị T, sinh năm 1978
Địa chỉ: Thôn LH, xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.
2. Bị đơn: Ông Hoàng Tiến Th, sinh năm 1957
ĐKHKTT: Thôn VQ, xã VP, thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

Tạm trú: Thôn LH, xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông Phùng Văn Q
- Ông Phùng Văn Đ

Cùng địa chỉ: Thôn LH, xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái; (ông Q, ông Đ vắng mặt, đều có đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Những người làm chứng:
+ Bà Lý Thị Th1, sinh năm 1957

+ Ông Bàn Văn B, sinh năm 1962

+ Ông Nông Xuân Th2, sinh năm 1968

+ Bà Nông Thị L, sinh năm 1987

+ Ông Phượng Quý Th3, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Thôn LH, xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

+ Ông Nông Văn Th4

+ Ông Nông Văn T1

+ Ông Nông Văn Q1

+ Bà Lý Thị L1

Cùng địa chỉ: Thôn LH, xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

(Ông Th4, ông T1, ông Q1, bà L1 do bà T đề nghị đưa vào tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm).

+ Ông Lý Văn T2

+ Ông Bàn Văn Ch

Cùng địa chỉ: Thôn LH, xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

+ Bà Lương Thị Th5

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn MA, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

(Ông T2, ông Ch, bà Th5 do ông Th đề nghị đưa vào tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm).

Những người làm chứng đều vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Bà Nông Thị T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nông Thị T trình bày:

Bà Nông Thị T có một thửa đất rừng sản xuất, diện tích 28.343m^2 tại thôn NN nay là Thôn LH, xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái (đã được Ủy ban nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00xxx ngày 23/6/2010 mang tên Nông Thị T).

Năm 2012, bà Nông Thị T có quen biết ông Hoàng Tiến Th, từ đó thỉnh thoảng ông Th có đến nhà bà T chơi. Sau đó, ông Th có đưa nhiều lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng để bà T mua cây quế giống về trồng. Năm 2013, bà T đã mua quế con về trồng nhưng do trời nắng nên có khoảng 1.000 cây quế đã chết, vì vậy bà T phải mua hạt về ươm và mua thêm cây khác về trồng vào chỗ cây đã chết.

Từ năm 2015, ông Hoàng Tiến Th về làm lán ở tại đồi quế đó còn bà T ở tại lán phía dưới nhà anh trai bà T. Bà T và một số người quen của bà T đã phát dọn, trồng, chăm sóc số lượng cây quế đến năm 2019 thì bà T làm nhà gần nhà mẹ đẻ để ở. Khi làm chung bà T và ông Th có dựng 01 cái lán tại nương quế và

01 lò đun dầu quế. Từ năm 2019 ông Th không cho bà T lên nương quế, ông Th chặt quế đem bán và hiện số cây quế bị ông Th bóc khoảng 2.000 cây (bà T có yêu cầu chia số quế ông Th đã bóc nhưng đã rút yêu cầu và không đề nghị giải quyết).

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tổng số 7.375 cây quế trên diện tích đất 14.603,8m^2 với giá trị là 317.125.000 đồng theo tỷ lệ 60% - 40%, (trong đó: Bà Nông Thị T hưởng 60% là 4.425 cây thành tiền là 190.275.000 đồng, ông Hoàng Tiến Th hưởng 40% là 2.950 cây thành tiền là 126.850.000 đồng). Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Th phải thu dọn quế để trả lại đất cho bà T sử dụng.

Về án phí và chi phí tố tụng khác đề nghị chia đôi, mỗi người phải chịu 50%.

Còn 1.186 cây quế trồng trên diện tích đất 2.347,8m^2 thành tiền là 51.020.000 đồng. Bà T xác định quế của bà T nên không đồng ý chia cho ông Th và cũng không liên quan đến con trai của bà T nên không đề nghị đưa vào tham gia tố tụng.

Trường hợp bà T đề nghị chia trị giá bằng tiền cho ông Th (thanh toán tiền cho ông Th) vì đất là của bà T và để bà T sử dụng toàn bộ số cây trên đất. Còn giá trị tiền tính theo kết quả định giá tài sản.

Bà T xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00xxx ngày 23/6/2010 mang tên Nông Thị T chỉ cấp cho mình bà T. Thời điểm cấp năm 2010 các con của bà T còn nhỏ, không có đóng góp gì, không liên quan đến tài sản của bà T.

Bị đơn ông Hoàng Tiến Th trình bày:

Ông Th có quen biết với bà T vào năm 2012, đến năm 2013 ông Th biết bà T có 2,8ha đất rừng sản xuất tại thôn NN nay là Thôn LH, xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Khi đó gia đình bà T có hoàn cảnh neo đơn, không có người làm nên nói rao bán 2,8ha đất rừng nêu trên với giá 20.000.000 đồng. Lúc đó ông T có nói với bà T là cho ông Th thuê lại diện tích đất trên với thời hạn là một vụ quế khoảng từ 13 năm đến 15 năm, giá thuê là 20.000.000 đồng. Tiền thuê đất, một phần ông Th đã đưa tiền mặt cho bà T, số còn lại khoảng 13.000.000 đồng ông Th chuyển qua tài khoản ngân hàng cho bà T. Đến năm 2015, bà T đã nhận đủ số tiền thuê đất.

Sau khi thuê được đất, ông Th đã 02 lần đưa tiền cho bà T là 15.000.000 đồng để bà T mua cây quế giống và thuê người trồng quế. Bà T đã thuê khoảng 6 đến 7 người lên dọn nương sắn để trồng quế, gồm: Vợ chồng cháu T L, hai con bà Ch1 (là chị dâu bà T).

Từ năm 2014, bà T có đề nghị ông Th ở lại chăm sóc cây gỗ rừng và trồng ngô, chăn nuôi lợn, gà sau đó khoảng 2 năm thì chặt bán hết số cây gỗ như xoan, chẩu, bồ đề, số lợn, gà bà T bán và thu hoạch hết.

Đến năm 2015, ông Th đã trồng quế giống trên 2,8ha đất rừng của bà T với số lượng khoảng 2,5 vạn cây quế. Trong đó, ông Th đã đưa tiền cho bà T đi

mua cây về để trồng. Việc mua cây quế giống bằng rất nhiều lần nên mỗi lần bao nhiêu cây ông Th không nhớ cụ thể, còn bà T mua của ai, ở đâu ông Th không rõ vì ông Th mới về đó không quen biết ai. Ông Th mua thêm khoảng 4.000 cây nữa để trồng thêm. Từ khi trồng quế ông Th đã về làm lán, xây lò để nấu dầu quế và ở đó luôn.

Vì nương quá rộng nên từ năm 2016, ông Th có cắt cho bà T khoảng 1,2ha để bà T và con bà T làm nhưng bà T không làm dẫn đến cây chết, còi cọc không lên được để cây rừng mọc um tùm. Phần ông Th cắt cho bà T là phần đồi phía bên trong hiện cây cỏ đang mọc, trong đó vẫn còn ít cây quế.

Đến năm 2018, bà T xây nhà xuống ở với mẹ bà T và không ở trên lán nữa.

Việc tranh chấp giữa ông Th và bà T đã được Công an xã NA, Ủy ban nhân dân xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái hòa giải nhiều lần. Trong đó, có lần đã thống nhất là ông Th trích chia cho bà T 60% số quế đã trồng, ông Th đã đưa UBND xã lên đo đạc để phân chia cho rõ ràng nhưng khi lên đo bà T lại không đồng ý với phần cây ông Th trích cho mà đòi đo cả phần quế của ông Th đang quản lý nên việc thỏa thuận ở UBND xã là không thực hiện được.

Ông Th cho rằng ông đã phải đầu tư vào đó 7 đến 8 năm nay hết khoảng 500.000.000 đồng. Nay ông Th muốn có một ít vốn để về dưỡng già, chứ không tham, không muốn lấy của ai làm của mình cả. Quá trình sinh sống trên đó ông Th đã khổ cực bao nhiêu năm nay, bà T đối xử với ông Th không tốt, đã 3 lần hòa giải tại xã, trong đó có việc bà T thuê người lên đánh, thuê thầy cúng lên làm bùa, làm bả ông Th để chiếm lấy hết quế của ông Th. Qua đây ông Th thấy bà T và gia đình không có tình người. Công an xã cũng có nhiều biên bản về việc thu giữ số lượng lá quế trên đó và để hư hỏng làm lãng phí rất nhiều.

Nếu bà T thống nhất hòa giải quế đó là của ông Th thì khi nào thu hoạch quế ông Th sẽ hỗ trợ cho bà T một khoản tiền để cho bà Tcảm thấy thoải mái, trường hợp bà T không đồng ý thì ông Th cũng không hỗ trợ gì cho bà T cả.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu chia cây quế, ông Th không nhất trí vì giữa ông Th và bà T không có làm ăn chung.

Bà T đề nghị trả tiền để được sử dụng số quế đã trồng trên diện tích đất của bà T, ông Th không nhất trí. Quan điểm của ông Th không nhận giá trị bằng tiền, sẽ thu dọn quế và trả đất ngay cho bà T. Nếu không ông Th đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng và án phí: Ông Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng:

Ông Nông Xuân Th2 (BL 107-108): Bà T và ông Th có quen biết nhau từ năm 2012, từ đó ông Th thỉnh thoảng về đó chơi. Từ năm 2015 ông Th về ở hẳn trên đồi quế của bà T. Toàn bộ số quế hiện đang tranh chấp là của bà T, do bà T trồng và thuê người nhà trồng. Năm 2013, ông Th2 có bán cho bà T khoảng

7.000 cây quế giống để bà T trồng trên diện tích của bà T. Ông Th2 không thấy bà T và ông Th làm ăn chia gì cả, ông cũng không thấy bà T bảo làm ăn chia gì với ông Th. Ông Th2 chỉ biết bà T có tham gia trồng số quế đó còn quế là của ai thì không biết. Ông Th2 có biết ông Th có gửi tiền về cho bà T khoảng 2 đến 3 lần còn số tiền từng lần thì không biết.

Bà Lý Thị Th1 - hàng xóm của bà T và ông Th (BL 109-110) cho rằng: Bà Th1 ở gần khu vực đồi quế đang có tranh chấp giữa bà T và ông Th, bà Th1 không có mâu thuẫn gì với ông Th và bà T. Ông Th có quen biết với bà T từ khoảng năm 2013 hoặc 2014. Khi đó ông Th làm công nhân đường cao tốc, sau đó ông Th vào miền nam làm ăn đến năm 2015 thì ông Th về ở trên đồi quế. Bà Th1 biết rõ diện tích đất đồi đang tranh chấp là của bà T còn cây là của ông Th do ông Th đầu tư vốn, giống thuê người trồng rồi về chăm sóc từ 2015 đến nay. Trước đó ông Th thuê người trồng quế lên toàn bộ diện tích đất của bà T, hiện vẫn còn cây quế nhưng sau đó ông Th chỉ chăm sóc một phần, còn một phần cho bà T chăm sóc nhưng do bà T không chịu chăm nên cây quế không lên được mà cây tự nhiên mọc cao hơn quế. Bà Th1 chưa nghe ai nói là bà T và ông Th làm ăn chia với nhau, bà chỉ nghe ông Th và một số người nói là ông Th thuê đất của bà T để trồng cây. Thực tế ông Th là người mua quế giống về rồi thuê người trồng. Sau này ông Th là người chăm sóc, trông nom trong nhiều năm nay. Bà Th1 không thấy bà T lên chăm sóc hay cắt tỉa cây quế. Còn cụ thể như thế nào thì có ông Bàn Văn B ở gần đó biết rõ nhất.

Ông Bàn Văn B cho rằng (BL 113-114): Ông B không có mâu thuẫn gì với bà T và ông Th. Ông B là hàng xóm của bà T, gia đình ông B có đồi quế gần đồi nhà bà T và làm lán ở trên đó từ nhiều năm nay. Ông B biết rõ khu vực đang tranh chấp giữa bà T và ông Th thì đất là của bà T còn cây là của ông Th, do ông Th mua giống về thuê người trồng từ khoảng năm 2013 – 2014, rồi đến năm 2015 ông Th về đó ở và chăm sóc cho đến nay. Ông Th có trồng cây quế trên toàn bộ diện tích đất đồi của bà T. Lý do ông Th trồng quế trên đó thì theo ông B là do ông Th thuê đất của bà T từ năm 2013, thời gian thuê là 15 năm còn giá thuê là bao nhiêu tiền thì ông không biết. Ông B chưa bao giờ nghe nói bà T và ông Th làm ăn chia đồi quế đó cả.

Bà Nông Thị L (BL 89-90): Vào khoảng năm 2014, vợ chồng bà L có được bà Nông Thị T gọi đi trồng quế thuê 03 ngày trong đó có 02 ngày trồng quế và 01 ngày chuyển sắn cho bà T. Khi trồng quế xong thì ông Th là người trực tiếp trả tiền công cho vợ chồng bà L và những người đi làm thuê. Bà L cho biết mảnh đất bà L đi trồng quế thuê là của bà T, còn ông Th thuê người phát dọn và trồng quế. Ngoài ra bà L không biết gì thêm.

Ông Phượng Quý Th3 (BL 91-92): Ông Th3 là hàng xóm của ông Th, bà T cùng sinh sống tại Thôn LH, xã NA, huyện VY. Vào khoảng năm 2013, ông Th3 có nghe bà con ở thôn LH kháo nhau ông Hoàng Tiến Th và bà Nông Thị T sinh sống với nhau như vợ chồng, ông Th đầu tư quế giống để trồng trên khu đồi thuộc sở hữu của bà T. Sau đó ông Th đi đâu, ông Th3 không biết. Đến năm 2016, khi quế bằng cổ tay thì ông Th về ở cùng bà T. Ông Th, bà T và con trai

bà T phát cỏ để cấy thêm quế. Đến năm 2018, ông Th và bà T tranh chấp quế với nhau và đến sau này thì chỉ thấy mình ông Th ở đấy. Ông Th3 không biết ông Th có đầu tư trồng quế hay không, cũng không biết việc ông Th, bà T có thuê người trồng quế hay không.

Tòa án nhân dân huyện VY đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo yêu cầu của bà Nông Thị T, kết quả xác định được như sau: Theo bà T chỉ thì diện tích đất đang có tranh chấp là 14.603,8m^2 trên đất có tổng số 7.375 cây quế trong đó có 2.950 cây quế loại D và 4.425 cây quế loại C. Theo ông Th chỉ thì diện tích có cây quế ông Th đang quản lý là 16.951,6m^2 trên đất có tổng số 8.561 cây quế từ 8 đến 9 tuổi trong đó có 3.424 cây quế loại D và 5.137 cây quế loại C. Giá trị cây quế đang có tranh chấp là 368.145.000 đồng.

* Tại bản án sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 217, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 97, Điều 203 của Luật đất đai sửa đổi bổ sung năm 2013; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị T đối với ông Hoàng Tiến Th. Buộc ông Hoàng Tiến Th phải thu hoạch toàn bộ cây quế trên diện tích đất 16.951,6m^2 tại Thôn LH, xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái trả lại đất cho chị Nông Thị T. Thời hạn thu hoạch cây quế chậm nhất hết tháng 5 năm 2023.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị T về đề nghị chia tổng số 7.375 cây trên diện tích 14.603,8m^2.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị T đề nghị ông Hoàng Tiến Th trả lại 1.186 cây quế trên diện tích 2.347,8m^2 tại Thôn LH, xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Đình chỉ giải quyết nội dung chị Nông Thị T yêu cầu ông Th chia cho chị một nửa giá trị của 2.000 cây quế với giá trị là 42.000.000 đồng mà ông Th đã chặt trước đó.

2. Về chi phí tố tụng: Chị Nông Thị T phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng là 10.274.000 đồng, trong đó tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 7.315.000 đồng, tiền định giá tài sản là 2.959.000 đồng. Xác nhận chị T đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 9.513.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 6.050.000 đồng mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005620 ngày 23/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VY. Chị Nông Thị T còn phải nộp 3.464.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

(Kèm theo sơ đồ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án cho các đương sự.

Ngày 12/01/2023, bị đơn bà Nông Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VY và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng:

1. Đưa con trai bà T là Triệu Văn V, sinh năm 2001 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan. Trả cho Triệu Văn V số cây quế 1.186 cây trên diện tích 2.347,8m^2 thành tiền là 51.020.000 đồng.

2. Chia số tài sản chung là 7.375 cây quế có giá trị là 317.125.000 đồng cho các đồng sở hữu là ông Hoàng Tiến Th 40% bằng 2.950 cây, thành tiền 126.850.000 đồng và của bà T là 60% bằng 4.425 cây, thành tiền 190.275.000 đồng.

3. Về án phí, lệ phí Tòa án cũng chia mỗi người chịu 50% tổng chi phí vì đây là vụ án chia tài sản chung.

Ngày 07/3/2023, bà Nông Thị T đã rút nội dung kháng cáo đề nghị: Đưa con trai bà T là Triệu Văn V, sinh năm 2001 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan. Trả cho Triệu Văn V số cây quế 1.186 cây trên diện tích 2.347,8m^2 thành tiền là 51.020.000 đồng. Bà T xác định số quế này là của bà T, không liên quan đến Triệu Văn V.

Ngày 10/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện VY thu thập chứng cứ nhưng hết thời hạn ủy thác không có kết quả.

Ngày 14/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái nhận được tài liệu do Tòa án nhân dân huyện VY thu thập chứng cứ được một phần kết quả ủy thác như sau:

- Diện tích đất trồng cây đang có tranh chấp là 16.951,4m^2. Lô số 1 diện tích 2.347,8m^2; lô số 2 diện tích 10.946,3m^2; lô số 3 diện tích 3.657,3m^2. Lô số 1 và số 2 nằm trong diện tích đất của bà Nông Thị T đã được cấp GCNQSDĐ, lô số 3 nằm trong diện tích đất của ông Phùng Văn Đ đã được cấp GCNQSDĐ.

- Cây trên đất:

+ Lô 1: 2.950 cây (8 - 10 tuổi) x 110.000đồng/1 cây = 324.500.000 đồng.

+ Lô 2: 3.764 cây (8 - 10 tuổi) x 110.000đồng/1 cây = 414.040.000 đồng.

+ Lô 3: 1.847 cây (8 - 10 tuổi) x 110.000đồng/1 cây = 203.170.000 đồng.

Tổng = 941.710.000 đồng.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà T và ông Th có cung cấp một số xác nhận, yêu cầu triệu tập một số người làm chứng để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị của mình.

Ông Lý Văn T2 (Thôn LH, xã NA, huyện VY) xác nhận: Năm 2013, ông Th có lên thuê đất của bà T để trồng quế. Do ông Th không quen biết ai nên đã nhờ bà T thuê ông T2 đến dọn nương, thu hoạch sắn và trồng quế. Ông T2 đã gọi thêm bà Ngh, anh Th6 và một số người khác ở cùng Thôn LH, xã NA, huyện VY đi làm cùng. Ông Th là người thanh toán chi phí công xá cho ông T2 và mọi người. Ông T2 đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Ông Bàn Văn Ch (Thôn LH, xã NA, huyện VY) xác nhận: Ông Ch là người có máy phun thuốc sâu ở địa phương nên từ năm 2014, ông Ch có được ông Th thuê phun thuốc sâu. Ông Th là người trực tiếp thanh toán tiền công cho ông Ch, không có mặt của bà T. Do điều kiện công việc ông Ch không thể có mặt tại Tòa án để làm chứng được nên đề nghị được Tòa án xem xét.

Bà Lương Thị Th5, đại lý thuốc bảo vệ thực vật, phân bón tại tổ dân phố số 4, thị trấn MA, huyện VY, tỉnh Yên Bái xác nhận: Từ năm 2013, ông Th có thuê đất trồng rừng, có liên kết mua vật tư gồm phân NPK, đạm, thuốc trừ sâu và các vật tư khác. Do thời gian quá lâu bà Th5 không nhớ rõ số lượng và thời gian mua bán, hình thức thanh toán tiền. Chỉ xác nhận ông Th có mua tại đại lý để làm chứng cho vụ án.

Ông Nông Văn T1 (là cháu của bà T) cho rằng: Năm 2013 ông có được bà Nông Thị T nhờ đi hộ trồng quế và làm lán trú nắng mưa để bà T canh tác và chăm sóc quế trên diện tích đất tại Thôn LH, xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Bà T là người trực tiếp nhờ và trả công cho ông T1. Khi ông T1 đến làm chỉ có mình bà T, không có mặt ông Th, vài năm sau quế to thì ông Th mới lên và tranh chấp với bà T. Ông T1 không biết ông Th có thuê đất của bà T hay không, cũng không biết ông Th và bà T làm chung hay không. Vì công việc gia đình bận nên ông T1 đề nghị không tham gia tố tụng và được vắng mặt tất cả các buổi làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

Bà Lý Thị L1 (hàng xóm của bà T): Vào khoảng năm 2013 bà L1 được bà T gọi đi làm thuê trồng quế trên diện tích đất của bà T tại Thôn LH, xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Ngoài trồng quế thì còn trồng cả sắn trên nương quế. Bà L1 không nhớ là làm thuê bao nhiêu ngày, bà T là người trực tiếp thuê bà L1 đi làm và thanh toán tiền công cho bà L1. Lúc bà L1 đi làm thì không có mặt ông Th, chỉ có bà T. Bà L1 không biết gì về việc ông Th có thuê đất của bà T hay không, cũng không biết ông Th và bà T làm chung hay không. Vì công việc gia đình bận nên bà L1 đề nghị không tham gia tố tụng và được vắng mặt tất cả các buổi làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

Ông Nông Văn Th4 (là cháu của bà T): Ông được bà T nhờ đi làm đổi công trồng quế và thi thoảng bà T có nhờ đi làm hộ, ông cũng không nhớ làm giúp bà T bao nhiêu ngày. Khi đi trồng quế thì bà T là người nhờ ông và không có mặt ông Th. Thời gian sau khi quế lớn cao hơn người thì ông Th mới lên ở đấy. Ông Th4 không biết ông Th có thuê đất của bà T hay không, cũng không biết ông Th và bà T làm chung hay không. Vì công việc gia đình bận nên ông

Th4 đề nghị không tham gia tố tụng và được vắng mặt tất cả các buổi làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

Ông Nông Văn Q1 (cháu của bà T): Khoảng năm 2012 – 2013 ông có được bà T nhờ đi trồng quế, thời điểm đó bà T là người trực tiếp nhờ ông làm, ông không thấy có mặt ông Th. Lúc thì làm đổi công cho bà T, lúc thì làm giúp nên ông không nhớ là bao nhiêu ngày. Đến khoảng năm 2016 thì ông mới thấy ông Th lên đó có mang theo nồi nấu dầu quế loại nhỏ, nói là lên nấu dầu quế với bà T cùng nhau ăn tiêu. Ngoài ra ông Q1 không biết gì thêm. Ông Q1 cũng đề nghị không tham gia tố tụng và được vắng mặt tất cả các buổi làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

Ông Nông Xuân Th2 (anh trai của bà T): Bà T có mảnh đất tại Thôn LH, xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Vào năm 2012, 2013 bà T có phát dọn và nhờ người nhà đến giúp trồng quế trong đó có cả ông Th2. Khi thì ông Th2 làm đổi công, khi thì ông Th2 làm giúp bà T. Lúc đó ông Th2 không thấy ông Th có mặt ở đó. Khoảng năm 2015, 2016 thì mới thấy ông Th xuất hiện, nói là lên làm lán nấu dầu quế. Ông Th2 chỉ biết là ông Th lên nhờ đất của bà T để thu mua lá quế nấu dầu quế, ngoài ra ông Th2 không biết gì hơn. Ông Th2 cũng đề nghị không tham gia tố tụng và được vắng mặt tất cả các buổi làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phùng Văn Q và ông Phùng Văn Đ xác định trong số cây quế đang tranh chấp giữa bà Nông Thị T và ông Hoàng Tiến Th có một số cây trồng trên diện tích đất của ông Q, ông Đ.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nông Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bà T yêu cầu chia số cây quế trên diện tích đất 16.951,4m^2 và xác định số cây quế đang tranh chấp nằm toàn bộ trên diện tích đất bà T đã được cấp GCNQSDĐ.

Bị đơn ông Hoàng Tiến Th đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Th xác định số cây quế đang tranh chấp là trồng trên diện tích đất của bà T và trồng trên đất của người khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bà Nông Thị T về việc yêu cầu đưa Triệu Văn V (con trai bà T) vào tham gia tố tụng, trả cho V 1.186 cây quế.

- Chấp nhận các nội dung kháng cáo còn lại của nguyên đơn Nông Thị T, hủy Bản án sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà Nông Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên;

[1] Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ông Phùng Văn Q và ông Phùng Văn Đ xác định trong số cây quế đang tranh chấp giữa bà Nông Thị T và ông Hoàng Tiến Th có một số cây trồng trên diện tích đất của ông Q, ông Đ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người này vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

Số cây quế ông Th và bà T đang tranh chấp: Bà T cho rằng có công sức chung với ông Th và yêu cầu chia toàn bộ cây trên diện tích 16.951,4m^2. Bà T xác định số cây quế này được trồng toàn bộ trong diện tích đất của bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, lời khai của ông Th, lời khai của ông Q, ông Đ đã xác định trong phần cây quế đang tranh chấp có một số cây được trồng trên diện tích đất của ông Phùng Văn Đ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên: "*Buộc ông Hoàng Tiến Th phải thu hoạch toàn bộ cây quế trên diện tích đất 16.951,6m^2 tại Thôn LH, xã NA, huyện VY, tỉnh Yên Bái trả lại đất cho chị Nông Thị T*" là ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người liên quan, dẫn đến bản án không thể thi hành án được.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà T và ông Th có cung cấp một số xác nhận, yêu cầu triệu tập một số người làm chứng để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị của mình, nhưng chưa đủ căn cứ làm sáng tỏ toàn bộ nội dung vụ án.

Khi giải quyết yêu cầu của bà T về chia tài sản là cây quế với ông Th, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đủ tài liệu, chứng cứ xác định mối quan hệ của bà Nông Thị T và ông Hoàng Tiến Th để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về quyền sở hữu tài sản hay tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ kết quả xem xét, thẩm định bổ sung, thấy rằng diện tích đất tại lô số 03 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phùng Văn Đ nhưng chưa có tài liệu chứng cứ xác định là tài sản riêng của ông Phùng Văn Đ hay tài sản chung vợ chồng hoặc tài sản chung của hộ gia đình để xác định đầy đủ người tham gia tố tụng; mặt khác về mặt pháp lý lô số 03 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phùng Văn Đ nhưng thực tế ông Th hoặc bà T

đang sử dụng từ thời gian nào? Là do ông Th hay bà T tự ý lấn chiếm diện tích đất của ông Phùng Văn Đ hay có sự thỏa thuận với ông Đ hoặc do ông Th, bà T sử dụng ổn định lâu dài, không có tranh chấp trước khi ông Phùng Văn Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc chưa làm rõ ai là người có quyền sử dụng đất tại lô số 3 ảnh hưởng đến việc giải quyết tranh chấp tài sản trên đất mà tại cấp phúc thẩm không thể làm rõ được.

Nguyên đơn có yêu cầu được chia số cây quế ông Th đang quản lý nhưng chưa có tài liệu thẩm định trên thực địa diện tích đất có cây quế đang tranh chấp có thể chia theo hiện vật hoặc chia theo giá trị - những tài liệu này cấp phúc thẩm đã ủy thác cho sơ thẩm thu thập nhưng vẫn chưa có kết quả.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chưa có căn cứ vững chắc; vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Nên cần hủy Bản án sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[2] Bản án sơ thẩm bị hủy nên không xét yêu cầu kháng cáo của bà Nông Thị T.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên bà Nông Thị T không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nông Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0003227 ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VY, tỉnh Yên Bái.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Vụ GĐKT2-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện VY;
- Chi cục THADS huyện VY;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân